TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:133/2024/HS-ST
Ngày 13/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và ông Nguyễn Hiếu Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2024/TLST- HS ngày 14 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU M, sinh năm: 1963; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Hữu Á và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Thị H1; Con: có 03 con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1996); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ tạm giam: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên toà).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, TP Hà Nội. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, TP Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/01/2024, bà Nguyễn Thị M1 đang cho cháu ăn cháo tại ngõ Đ trước cửa nhà mình thuộc thôn V, xã V, huyện T, TP . thì gặp Nguyễn Hữu M đi ăn cỗ về. Khi gặp nhau thì M và bà M1 xảy ra cãi nhau, M nói: "*mụ D1 về làm nhà cho thằng cu D*" (D là chồng bà M1), nghe thấy M xúc phạm đến chồng, bà M1 nói lại: "*Mày nằm ở gầm giường nhà tao à mà biết*". Bà M1 tiến đến phía M cách khoảng 0,5m vừa chửi vừa dùng tay phải hất từ phía dưới háng chân lên về phía mặt M nhiều lần. Lúc này, M dùng tay trái đẩy vào ngực bà M1, làm bà M1 ngã ngửa ra sau ngồi đập mông xuống nền đường, bà M1 bị đau vùng lưng không thể đứng dậy. Sau đó, ông Nguyễn H2 (là chồng bà M1) đi ra đỡ và dìu bà M1 về nhà sau đó đưa bà M1 đến Bệnh viện nông nghiệp khám. Ngày 25/01/2024, bà M1 được gia đình đưa đến Bệnh viện Đ1 điều trị thương tích. Ngày 07/3/2024, bà M1 đến Công an xã V trình báo nội dung sự việc.

Hậu quả: Bà M1 bị xẹp đốt sống L1/Loãng xương.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 USB bên trong có lưu giữ đoạn video ghi lại nội dung sự việc.

Tại bản kết luận giám định số 874/KLTTCT-TTPY ngày 01/7/2024 của Trung tâm pháp y - Sở Y, kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

Các kết quả chính:

- Xẹp thân đốt sống L đã bơm xi măng: 21%

- Các vết sẹo bơm xi măng vùng lưng: 02%

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị M1 tại thời điểm giám định là 23% (Hai mươi ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT.

- Cơ chế hình thành thương tích của bà Nguyễn Thị M1 do vật tày gây ra.

Ngày 26/7/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T có công văn gửi Trung

tâm pháp y - Sở Y nội dung: Thương tích ghi nhận trong tóm tắt hồ sơ bệnh án của bà M1 có phải hình thành do bà M1 bị ngã vào ngày 24/01/2024 gây nên hay không?

Ngày 29/7/2024, Trung tâm pháp y - Sở Y có công văn số 507 trả lời như sau: *Vỡ xẹp thân đốt sống thắt lưng thường là kiểu gãy xương nén, phần thân đốt sống bị gãy nén, xẹp, mất chiều cao. Kiểu gãy này thường gặp ở người bị loãng do cấu trúc xương yếu, mất vững, có thể gãy chỉ với lực tác động nhỏ. Cơ chế do lực tác động theo trục của cơ thể. Nguyên nhân thường do ngã ngồi xuống nền cứng hoặc tiếp đất bằng chân sau khi rơi từ độ cao đáng kể.*

Trong trường hợp của bà Nguyễn Thị M1 (lớn tuổi, có bệnh lý loãng xương), với tình huống bị đẩy ngã ngồi xuống nền đường (nền cứng) thì hoàn toàn có thể gây ra thương tích vỡ xẹp thân đốt sống thắt lưng L1.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị M1 yêu cầu Nguyễn Hữu M bồi thường tổng số tiền là 60.000.000 đồng, trong đó: 26.837.187 đồng (tiền viện phí, thuốc men có hóa đơn chứng từ) và 33.162.813 đồng (là tiền mất thu nhập thực tế cùng thu nhập của người chăm sóc và tổn thất về tinh thần, chi phí đi lại ăn uống trong quá trình điều trị). Nguyễn Hữu M chưa bồi thường cho bà Nguyễn Thị M1.

Tại bản cáo trạng số 105/CT-VKSTT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín - thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hữu M về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như bản cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Hữu M từ 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 - 30 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện thường T, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M1 số tiền từ

46.000.000 đồng - 50.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng đến năm mươi triệu đồng). Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín (Biên lai số 0016462) còn phải nộp tiếp số tiền từ 34.000.000 đồng - 38.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng đến ba mươi tám triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Tranh luận tại phiên toà: Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản ghi nhận vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định thương tích cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/01/2024, tại ngõ Đ thuộc thôn V, xã V, huyện T, TP . giữa bà Nguyễn Thị M1 và Nguyễn Hữu M xảy ra xô xát cãi chửi nhau, M dùng tay trái đẩy vào ngực bà M1, làm bà M1 ngã ngửa ra sau, ngồi đập mông xuống nền đường, dẫn đến bà M1 bị xẹp đốt sống L1/Loãng xương, gây thương tích cho bà M1 với tỷ lệ tổn

thương cơ thể là 23%. Bị cáo thừa nhận thương tích của bà M1 là do bị cáo gây nên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, buộc phải biết sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhận thức được hậu quả nhưng không kiềm chế được bản thân nên đã vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 134 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật do đó cần có hình phạt nghiêm khắc để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Xét bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, tự nguyện khắc phục một phần bồi thường cho bị hại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 12.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín; Bị cáo có bố đẻ là Liệt sỹ và có đẻ mẹ được phong tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng; Bị cáo là người đang thờ cúng liệt sỹ và bản thân cũng là cựu chiến binh. Hơn nữa để xảy ra sự việc cũng có một phần lỗi do bị hại đã chửi bới, cãi cọ gây ra mâu thuẫn giữa hai bên khiến bị cáo nóng nảy không kiềm chế được bản thân nên đã gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị M1 yêu cầu Nguyễn Hữu M bồi thường số tiền 60.000.000 đồng gồm các khoản chi phí thuốc men viện phí, tiền mất thu nhập,

tiền chi cho người chăm sóc, tiền tổn thất tinh thần, tiền chi phí phương tiện đi lại trong quá trình điều trị. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M1 yêu cầu bị cáo M phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Những tài liệu liên quan đến chi phí bà Nguyễn Thị M1 đã nộp tại cơ quan điều tra, tổng số tiền là **26.837.487** đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng) gồm các khoản:

- Hóa đơn ngày 24/01/2024: **900.300** đồng.
- Phiếu chỉ định ngày 29/02/2024: **132.000** đồng
- Bảng kê chi phí ngày 29/02/2024: **4.102.620** đồng
- Phiếu khám ngày 29/02/2024: **120.000** đồng
- Bảng kê ngày 29/01/2024: **2.658.140** đồng
- Bảng kê ngày 29/02/2024: **252.000** đồng
- Bảng kê ngày 25/01/2024: **2.371.000** đồng
- Bảng kê ngày 25/01/2024: **1.851.000** đồng
- Bảng kê ngày 29/01/2024: **9.632.277** đồng
- Bảng kê ngày 25/4/2024: **930.000** đồng
- Bảng kê ngày 25/4/2024: **855.350** đồng
- Bảng kê ngày 21/3/2024: **1.063.800** đồng
- Bảng kê ngày 21/3/2024: **1.749.000** đồng.
- Phiếu khám ngày 25/4/2024: **120.000** đồng.
- Phiếu khám ngày 21/3/2024: **120.000** đồng

Xác định các khoản chi phí hợp lý phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận cho bị hại cụ thể:

- Chi phí thuốc men, viện phí: 26.837.487 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

- Tiền mất thu nhập thực tế (ngày công lao động do phải nghỉ điều trị và phục hồi chức năng) 05 ngày x 219.000 đồng/ngày = 1.095.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tiền bồi dưỡng sức khoẻ là 10 ngày x 219.000 đồng/ngày = 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tiền công người chăm sóc là 10 ngày x 219.000 đồng/ngày = 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tiền thuê xe đi lại 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng)

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 11.487.513 đồng (mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm mười ba đồng).

Tổng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M1 là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Hữu M đã tự nguyện nộp số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) để bồi thường cho bà M1, số tiền trên hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án huyện Thường Tín để bồi thường nên buộc bị cáo Nguyễn Hữu M phải tiếp tục nộp số tiền là 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng).

[8] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu M phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2/ Về hình phạt: xử phạt Nguyễn Hữu M 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu M cho UBND xã V, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69

luật Thi hành án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M1 số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Được trừ vào số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín (Biên lai số 0016462), còn phải nộp tiếp số tiền là 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án phải có đơn yêu cầu thi hành án để thi hành. Bị cáo Nguyễn Hữu M chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu M được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- Công an huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Lan Hương